

DOI:10.22144/ctu.jvn.2019.133

ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ VIỆC KHAI THÁC DI SẢN HÁN NÔM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH AN GIANG

Đào Ngọc Cảnh* và Trương Thị Kim Thủy

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Đào Ngọc Cảnh (email: dncanh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 03/05/2019

Ngày nhận bài sửa: 01/06/2019

Ngày duyệt đăng: 30/10/2019

Title:

Evaluation of tourists on application of Han Nom heritage for tourism development in An Giang province

Từ khóa:

Di sản Hán Nôm, di sản văn hóa, tài nguyên du lịch, tỉnh An Giang

Keywords:

An Giang province, cultural heritage, Han Nom heritage, tourism resources

ABSTRACT

Cultural heritage is a valuable asset of the nation and the institutions. Culture heritage plays a significant role in the process of building and maintaining the country. In the history of our nation, Han Nom culture has become an important part of Vietnam's cultural heritage. In particular, many Han Nom documents are also recognized as world cultural heritage.

Han Nom cultural heritage in An Giang province is quite rich and diverse compared to that in other provinces in the Mekong Delta. It is a valuable tourism resource that needs to be preserved and promoted. Therefore, Han Nom cultural heritage could create a special tourism product which contributes to development of An Giang tourism as one of the key tourism destinations in the Mekong Delta, as well as the whole country.

TÓM TẮT

Di sản văn hóa là tài sản quý giá của quốc gia và của địa phương, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong chiều dài lịch sử của dân tộc, văn hóa Hán Nôm đã trở thành bộ phận quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam. Trong đó, nhiều tư liệu Hán Nôm được công nhận là di sản văn hóa của nhân loại.

Di sản văn hóa Hán Nôm ở tỉnh An Giang khá phong phú và đa dạng so với các tỉnh thành ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là nguồn tài nguyên du lịch rất có giá trị cần được bảo tồn và phát huy. Từ đó, tạo nên các sản phẩm du lịch đặc thù, góp phần đưa An Giang trở thành một trong những địa bàn du lịch trọng điểm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Trích dẫn: Đào Ngọc Cảnh và Trương Thị Kim Thủy, 2019. Đánh giá của du khách về việc khai thác di sản Hán Nôm phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5C): 88-97.

1 GIỚI THIỆU

Di sản văn hóa là tài sản quý giá của quốc gia và của địa phương, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Di sản văn hóa chứa đựng những giá trị kinh tế to lớn, nếu bị mất đi không đơn thuần là mất tài sản vật chất, mà là mất đi những giá trị tinh thần lớn lao không gì bù đắp nổi. Đồng thời, di sản văn hóa còn mang ý nghĩa là nguồn lực cho

phát triển kinh tế, một nguồn lực rất lớn sẵn có, nếu được khai thác, sử dụng tốt sẽ góp phần không nhỏ cho việc phát triển kinh tế đất nước (Nguyễn Thế Hùng, 2007).

Trong chiều dài lịch sử của dân tộc, văn hóa Hán Nôm đã trở thành một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam. Chữ Hán có mặt trên đất nước Việt Nam khoảng 2000 năm liên tục từ thời Bắc

thuộc cho đến đầu thế kỷ XX, được sử dụng trong mọi lĩnh vực đời sống văn hóa, chính trị của xã hội Việt Nam. Chữ Nôm được manh nha vào khoảng thế kỷ VIII – IX và thực sự trở thành một nền văn tự ở nước ta vào thời Lý, khoảng thế kỷ XI – XIII (Hoàng Thị Ngọc, 2008).

An Giang là vùng đất có bề dày lịch sử hàng nghìn năm. Nơi đây đã từng là lãnh thổ của vương quốc Phù Nam – một quốc gia cổ đại hình thành vào đầu Công nguyên ở khu vực Đông Nam Á. Thời kỳ Phù Nam cường thịnh đã có nhiều nước nhỏ thân phục với tư cách là những thuộc quốc hoặc chư hầu, trong đó có Chân Lạp. Vào đầu thế kỷ VII, nhân lúc Phù Nam suy yếu, Chân Lạp đã tấn công và chiếm lấy (Vũ Minh Giang, 2015).

Vùng đất An Giang dưới thời Chân Lạp được gọi là Tầm Phong Long. Năm 1757, vua Chân Lạp dâng đất này cho chúa Nguyễn. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép về tỉnh An Giang như sau: “*Xưa là đất Tầm Phong Long, năm Đinh Sửu (1757) Thế Tông thứ 19, quốc vương Chân Lạp Nặc Tôn dâng đất này, đặt làm đạo Châu Đốc. Vì đất ấy nhiều chỗ bỏ hoang, đầu đời Gia Long mộ dân đến ở gọi là Châu Đốc tân cương*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2006).

Mặc dù là vùng đất mới được người Việt đến khai phá, định cư khoảng hơn 300 năm trước đây, nhưng tỉnh An Giang lại sở hữu nhiều tư liệu Hán Nôm rất đặc sắc và có giá trị, không chỉ đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) mà còn đối với cả nước.

Đây là nguồn tài nguyên du lịch quý báu để tỉnh An Giang khai thác phục vụ du lịch, góp phần xây dựng hình ảnh điểm đến, đưa An Giang trở thành một trong những địa bàn trọng điểm về du lịch ở ĐBSCL và cả nước.

2 DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các cuộc khảo sát thực địa và các nguồn tư liệu liên quan, nhất là các bộ sách được biên soạn dưới triều Nguyễn như: *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Gia Định thành thông chí*,... Ngoài ra, dữ liệu còn được thu thập từ các công trình nghiên cứu, số liệu thống kê và các nguồn thông tin tư liệu khác dưới dạng văn bản, bảng biểu, bản đồ, hình ảnh, phim video,... Các dữ liệu này được hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp để phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phương pháp khảo sát thực địa

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện nhiều chuyến khảo sát thực địa tại các địa bàn trọng điểm về di sản

Hán Nôm ở tỉnh An Giang như Châu Đốc, Thoại Sơn, Chợ Mới, Châu Phú, Tân Châu, Tịnh Biên. Tại các điểm di tích, nhóm nghiên cứu đã tiến hành tìm hiểu chung về di tích và về các di sản Hán Nôm được bảo tồn tại di tích, giá trị của di sản Hán Nôm đối với du lịch thông qua các hoạt động như: quan sát, quay phim, chụp hình để lấy tư liệu thực tế; phỏng vấn người dân địa phương và các nhà quản lý về các vấn đề liên quan đến di tích.

2.2.2 Phương pháp điều tra xã hội học

Để lấy ý kiến du khách về vấn đề khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch ở tỉnh An Giang, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với 100 khách du lịch nội địa theo phương thức lấy mẫu thuận tiện. Các địa điểm khảo sát được lựa chọn là các di tích: Miếu Bà Chúa Xứ, Lăng Thoại Ngọc Hầu, Chùa Tây An, Chùa Hang (Châu Đốc); di tích đình Thoại Sơn (Thoại Sơn); di tích Miếu Bà Chúa Xứ Bàu Mướp (Tịnh Biên). Các địa điểm này đáp ứng được 2 tiêu chí: (1) là các điểm du lịch đang có sức thu hút khách du lịch; (2) là các di tích có di sản Hán Nôm có giá trị đối với du lịch. Thời gian tiến hành khảo sát từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 dưới dạng thống kê mô tả.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Khái quát di sản văn hóa Hán Nôm tại tỉnh An Giang

Văn hóa Hán Nôm bắt đầu có mặt trên địa bàn tỉnh An Giang khi người Việt từ miền Trung đến khai hoang lập ấp ở vùng này. Theo các tài liệu lịch sử, tỉnh An Giang là địa bàn được người Việt đến khai phá sớm nhất ở miền Tây Nam Bộ. Dấu ấn nổi bật về văn hóa Hán Nôm ở An Giang gắn với sự kiện Thống suất Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đưa quân đi kinh lược Chân Lạp chiến thắng trở về theo sông Cửu Long đã đóng quân ở châu Sao Mộc (tức cù lao Tiêu Mộc, nay là cù lao Ông Chương thuộc huyện Chợ Mới) và qua đời ở đây vào năm 1700. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “*Ông trở về đến châu Sao Mộc thì ốm chết, được tặng chức Chương dinh, tên thụy là Trung Cẩn, được liệt vào hàng công thần Thượng đẳng, thờ vào Thái Miếu*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2006).

Biết ơn Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, những nơi ông đi qua, người dân đều lập đền thờ. Ở nhiều nơi trong tỉnh An Giang, dân chúng tôn ông là Thành Hoàng, dựng đình thần thờ phụng ông. Đó là đình Châu Phú (Châu Đốc), đình Đa Phước (An Phú), đình Châu Phong (Tân Châu), đình Mỹ Đức, đình Bình Thủy (Châu Phú). Đặc biệt, ở cù lao Tiêu Mộc - nơi Nguyễn Hữu Cảnh dừng chân trước khi qua đời, người dân thương tiếc ông vô hạn nên

đã đổi tên cù lao Tiêu Mộc và rạch Ngự Ông Đà thành cù lao Ông Chưởng (bãi Lễ Công) và rạch Ông Chưởng (sông Lễ Công). Đồng thời, dọc hai bên bờ rạch Ông Chưởng người dân dựng lên nhiều cơ sở thờ tự để thờ phụng ông. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “*Bãi Lễ Công ở trung lưu sông Hậu và cửa dưới sông Lễ Công. Nguyên tên là bãi Cây Sao. Khi xưa Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh đánh Chân Lạp thắng trận trở về, đóng quân ở đây. Sau khi mất, người trong bãi lập đền thờ, cũng gọi là đền Lễ Công*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2006).

Ngoài dấu tích về Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, vùng đất An Giang còn lưu dấu những bậc Tiên Hiền tiên phong mở đất. Đó là di tích phủ thờ họ Nguyễn và họ Dương - hai dòng họ từ miền Trung đến khai phá tại cù lao Giêng cách đây hơn 300 năm. Phủ thờ Nguyễn Tộc, nơi thờ tự của dòng họ Nguyễn, khởi đầu là ông Nguyễn Văn Núi và bà Lê Thị Nhạc, gốc ở Bình Định, đến cù lao này khai phá vào đầu thế kỷ XVIII. Phủ thờ này cũng là nơi thờ ba người con của ông Núi, bà Nhạc là Nguyễn Văn Thư, Nguyễn Văn Kinh, Nguyễn Văn Diện đều là danh tướng theo phò chúa Nguyễn Ánh, hy sinh năm 1794 trong một trận thủy chiến với quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại, Quy Nhơn. Đến năm 1814, vua Gia Long hạ chiếu sắc phong, truy tặng Nguyễn Văn Thư tước hiệu “Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Thượng Trụ Quốc Khâm sai Chưởng doanh Thư Ngọc Hầu”, Nguyễn Văn Kinh được sắc tứ “Chánh Hậu quân”, Nguyễn Văn Diện được sắc tứ “Chánh Ngự quân”. Khu mộ ba anh em Thư Ngọc Hầu được người dân địa phương gọi là lăng Ba Quan Thượng Đẳng. Hàng năm vào các ngày 25, 26, 27 tháng 6 âm lịch, lễ giỗ Ba Quan Thượng Đẳng ở Phủ thờ Nguyễn Tộc đều có nghi lễ rước sắc phong Thư Ngọc Hầu rất long trọng (Hữu Chí, 2016).

Phủ thờ họ Dương (tức Dương Công phủ), còn gọi là miếu Tiên Hiền, nơi thờ ông Dương Công Quận (1740-1819) quê ở miền Trung đến khai hoang, lập nghiệp ở cù lao Giêng từ năm 1768. Khi ông Dương Công Quận qua đời, cư dân địa phương đã tôn ông lên chức Tiên Hiền, khắc vào bia đá thờ tại đình làng Mỹ Chánh. Năm Nhâm Tý (1852), ông được vua Tự Đức phong sắc thần “Tiên Hiền khai khẩn”. Sắc phong này được lưu giữ tại miếu Tiên Hiền - Dương Công phủ. Hàng năm, lễ hội Kỳ Yên tại đình làng Mỹ Chánh có nghi lễ rước sắc Tiên Hiền rất long trọng.

Hiện nay, Dương Công phủ tọa lạc trên diện tích khoảng 7000 m². Ban thờ chính thờ ông Dương Công Quận có long vị khắc chữ “Đại Nam Tiên Hiền thủy tổ Dương Công Quận chi vị”. Phía trước ban thờ chính là nghi thờ hòm sắc “Tiên Hiền khai khẩn”. Hàng năm, vào ngày 3, 4 tháng 10 âm lịch,

tại Dương Công phủ diễn ra lễ giỗ Tiên Hiền thu hút rất đông con cháu họ Dương đến cúng viếng.

Đồng thời, An Giang còn có nhiều di sản văn hóa gắn với cuộc đời và sự nghiệp Thoại Ngọc Hầu. Trong đó, văn bia là di sản Hán Nôm tiêu biểu mà ông để lại cho đời. Bia Thoại Sơn gắn với công trình đào kênh Thoại Hà - kênh đào đầu tiên ở miền Tây Nam Bộ dưới triều Nguyễn. Năm 1818, Thoại Ngọc Hầu phụng mệnh vua Gia Long đốc suất đào kênh Đông Xuyên tạo thành tuyến đường thủy nối liền Long Xuyên với Rạch Giá. Sau khi kênh đào hoàn thành, vua Gia Long đã lấy tên Thoại Ngọc Hầu đặt cho kênh này là Thoại Hà. Đồng thời, vua cũng ban cho ngọn núi Sập bên bờ kênh là Thoại Sơn để thưởng công cho Thoại Ngọc Hầu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: “*Tháng 4, niên hiệu Gia Long thứ 17 (1818), vua sai Trần thủ Vĩnh Thanh là Thống chế Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại kinh lý đường sông, việc hoàn thành, vua ban cho tên núi là Thoại Sơn để nêu danh tốt thần núi và cũng để ghi thành tích công lao của bậc nhân thần*” (Trịnh Hoài Đức, 2013).

Năm 1822, Thoại Ngọc Hầu long trọng dựng một miếu sơn thần và một bia đá ở núi Thoại Sơn để ghi nhớ sự kiện này. Bia Thoại Sơn cao 3 m, ngang 1,2 m, dày 0,2 m, đầu bia chạm to hai chữ Thoại Sơn, mặt bia khắc bài văn gồm 629 chữ Hán. Để soạn văn bia, Thoại Ngọc Hầu đã nhờ hai danh sĩ nổi tiếng lúc bấy giờ là Đốc học thành Gia Định Cao Bá (tức Cao Huy Diệu) soạn thảo và Thiêm sự Bộ Công kiêm quản tiền lương đồn Châu Đốc Đoàn Hầu (tức Đoàn Khắc Cung) hiệu đính.

Bia Thoại Sơn là một bia đá nổi tiếng của tỉnh An Giang, được nói đến trong sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ của triều Nguyễn như sau: “*Một bia núi Thoại Sơn tỉnh An Giang, thân cao 6 thước 6 tấc, rộng 3 thước 4 tấc, dày 3 tấc 3 phân, chân 2 thước 3 tấc, rộng 1 thước dày 6 tấc, khắc bài sơn ký*” (Nội các triều Nguyễn, 1993).

Hiện nay, bia Thoại Sơn được bảo tồn khá nguyên vẹn trong đình Thoại Sơn ở thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn. Ở phía ngoài đình này còn có phiên bản bia Thoại Sơn tiếng Việt, được dựng năm 2002, nhân kỷ niệm 180 năm lập bia Thoại Sơn (1822 - 2002). Ngoài ra, ở lăng Thoại Ngọc Hầu (Châu Đốc) còn có một bản sao chữ Hán bia Thoại Sơn do Đại lão Hòa thượng chùa Tây An Nguyễn Thế Mật dựng vào đầu thế kỷ XX. Bia này gồm hai mặt: mặt trước là bia thân vị của Thoại Ngọc Hầu và hai bà phu nhân, mặt sau là bản sao bia Thoại Sơn bằng chữ Hán từ bản gốc (Trần Hoàng Vũ, 2017).

Bia Vĩnh Tế Sơn gắn liền với công trình đào kênh Vĩnh Tế nối Châu Đốc với Hà Tiên - tuyến đường thủy chiến lược ở vùng biên giới Tây Nam

nước ta dưới triều Nguyễn. Năm 1816, khi xem họa đồ thành Châu Đốc, vua Gia Long đã nói với triều thần rằng: “*Đất này nay mở đường sông để đi thẳng tới Hà Tiên, làm ruộng, đi buôn đều được lợi cả. Sau này dân ở đông đúc, đất mở rộng rãi, có thể thành một trấn to lớn*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2001).

Năm 1819, vua Gia Long ra lệnh khởi công đào kênh Châu Đốc - Hà Tiên, đặt tên là Vĩnh Tế Hà. Công cuộc đào kênh Vĩnh Tế vô cùng gian nan, phải trải qua hai đời vua (Gia Long và Minh Mạng), đến năm 1824 mới hoàn thành. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “*Vĩnh Tế Hà: Ở phía Tây sông Châu Đốc, cách huyện Tây Xuyên 28 dặm về phía Tây Bắc, rộng 7 trượng 5 thước, sâu 6 thước. Năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18, đo thẳng từ hào sau phía hữu đồn Châu Đốc về phía Tây, qua Vàm Nao Ca Âm đến Cây Kề thành 205 dặm rưỡi, cho tên là sông Vĩnh Tế, sai Trấn thủ Vĩnh Thanh là Nguyễn Văn Thoại và Chuồng cơ là Phan Văn Tuyên bắt dân trong hạt cùng dân Cao Miên khai đào, trải năm Minh Mệnh thứ 1 về sau, mấy lần hưng công đào vét đến năm thứ 5 mới xong. Sông mới đào dài 105 dặm rưỡi, tiếp với sông cũ đến cửa biển Hà Tiên, cộng 205 dặm rưỡi. Từ đấy đường sông mới thông. Việc biên phòng và việc buôn bán đều được hưởng lợi vô cùng. Sắc dựng bia ở bờ sông để ghi nhớ. Năm thứ 17 đức cữu đình, khắc hình tượng vào Cao đình*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2006).

Năm 1828, vua Minh Mạng ban tên cho núi Sam là Vĩnh Tế Sơn nhằm biểu dương công lao và đức độ của bà vợ Thoại Ngọc Hầu là Châu Thị Tế (còn gọi là Châu Vĩnh Tế hoặc Châu Thị Vĩnh Tế). Vì vậy, Thoại Ngọc Hầu đã cho dựng bia *Đặc tứ danh Vĩnh Tế sơn bi ký*, nghĩa là bia *Chép việc vua đặc biệt ban tên núi Vĩnh Tế* (thường gọi là bia Vĩnh Tế Sơn). Bia Vĩnh Tế Sơn được tạc bằng đá, cao ngang đầu người, khắc 730 chữ Hán. Trong văn bia có đoạn: “*Năm trước đây, thần phụng mạng xem sóc việc đào kênh Đông Xuyên, vua đã lấy danh tước thần nêu lên bên bờ kênh núi Sập mà đặt tên là Thoại Sơn. Đến nay, hoàng ân lại xét đến lòng thần, cho là biết tề gia hợp hòa khí, lại hạ cố đến vợ thần là Châu Thị Tế rằng có đức dày trong đường lễ giáo, bên trong biết giúp đỡ chồng, một lòng trung thành bên chặt, có chút công lao, nên xuống lệnh ban cho tên núi Sam là Vĩnh Tế Sơn...*” (Nguyễn Văn Hầu, 2006).

Trên thực tế, bia Vĩnh Tế Hà do triều Nguyễn dựng bên bờ sông Vĩnh Tế đã thất lạc hoàn toàn không còn dấu vết. Bia Vĩnh Tế Sơn do Thoại Ngọc Hầu dựng ở núi Sam được người đời sau quy tập về cùng với bốn tấm bia đá khác và được gắn vào bức tường lăng Thoại Ngọc Hầu để tránh thất lạc. Do mưa nắng lâu ngày nên bia này bị hư hại nghiêm

trọng, mặt bia bị nứt nẻ, chữ khắc trên bia gần như mòn hết, không còn đọc được.

Ở núi Sam còn có bia Châu Đốc tân lộ kiều lương (gọi tắt là bia Châu Đốc tân lộ) do Thoại Ngọc Hầu dựng vào cuối năm 1828 để ghi nhớ tuyến đường từ Châu Đốc đến núi Sam do ông tổ chức xây dựng từ tháng 12/1826 đến tháng 5/1827 và bồi đắp hoàn chỉnh vào đầu năm 1828.

Vào đầu thế kỷ XX, tấm bia này dường như đã bị thất lạc. Trong một thời gian dài, người ta chỉ biết đến một đoạn văn bia dưới tên là “Vĩnh Tế Sơn lộ kiều lương ký” do Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh công bố trên tạp chí Đại Việt năm 1943. Khoảng giữa thế kỷ XX, nhà khảo cứu Nguyễn Văn Hầu đã bỏ nhiều công sức truy tìm được một chân bia và hai mảnh bia. Trong đó, một mảnh bia có khắc bốn chữ Hán tiêu đề lớn: “Châu Đốc tân lộ...”. Vì vậy, Nguyễn Văn Hầu đã sửa lại tên bia là “Châu Đốc tân lộ kiều lương”. Hiện nay, các mảnh bia này được lưu giữ tại Nhà trưng bày cổ vật ở lăng Thoại Ngọc Hầu.

Mặc dù cả hai tấm bia Vĩnh Tế Sơn và Châu Đốc tân lộ đều không còn nguyên vẹn, nhưng may mắn thay, từ đầu thế kỷ XX đã có những người tâm huyết như Trần Hữu Thường, Trần Văn Hanh, Ca Văn Thịnh,... sao chép lại bản Hán văn và phiên âm, diễn ra thơ Nôm, dịch nghĩa ra tiếng Việt, tiếng Pháp. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta có được đầy đủ cả hai bản văn bia quý giá này (Trần Hoàng Vũ, 2017).

Lăng Thoại Ngọc Hầu (Sơn Lăng) nằm trong quần thể di tích Núi Sam (Châu Đốc) cũng là nơi lưu giữ nhiều di sản văn hóa gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Thoại Ngọc Hầu. Sơn Lăng là một công trình kiến trúc hiếm hoi tiêu biểu thời nhà Nguyễn còn lại ở miền Tây Nam Bộ. Tổng thể lăng được thiết kế cân đối, hài hòa mà trung tâm là khu mộ Thoại Ngọc Hầu và hai bà phụ nhân cùng với đền thờ Thoại Ngọc Hầu. Tại đây có nhiều bức bình phong, hoành phi, câu đối bằng chữ Hán cùng với nhiều họa tiết trang trí cho công trình. Tuy nhiên, tư liệu Hán Nôm ở đây cũng bị hư hỏng, mất mát khá nhiều (Trần Hoàng Vũ, 2017).

Nhìn chung, các đình, chùa, đền, miếu do người Việt dựng ở An Giang đều có các hoành phi câu đối chữ Hán, đôi khi có chữ Nôm (như ở bàn thờ cậu Tư Trần Văn Chái trong đền thờ Đức Cố Quán Trần Văn Thành). Các tư liệu Hán Nôm này vừa nhằm trang trí cho công trình, vừa đề cao các giá trị tinh thần của tôn giáo tín ngưỡng, ca ngợi sự linh ứng của thần linh hoặc công đức của các vị nhân thần. Ví dụ, ở đình Châu Phú có hơn 40 câu đối, gần 30 hoành phi chữ Hán hầu hết đều ca ngợi Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Ở miếu Bà Chúa Xứ còn lưu giữ gần 20 câu đối và hoành phi chữ Hán ca ngợi sự linh ứng của “Chúa Xứ Thánh Mẫu”. Ở chùa Tây An, ngoài gần 20 hoành phi và hơn 30 câu đối chữ

Hán, còn có nhiều bài thơ chữ Hán trong khu vực mộ tháp được khắc trên đá hoa cương, chữ khắc chân phương, sắc sảo, mang đậm dấu ấn một thời kỳ Hán học đã từng phát triển hưng thịnh ở đây.

Nhiều đình thần ở An Giang còn lưu giữ sắc phong của các triều vua Nguyễn. Trong đó, đình thần được ban sắc phong xưa nhất là đình Vĩnh Ngươn, còn gọi là “Trung Hưng thần miếu” (Châu Đốc). Đình này thờ thần Thành hoàng Nguyễn Hữu Lễ - người đã hy sinh để giúp chúa Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn. Năm 1802, sau khi chúa Nguyễn Ánh lên làm vua hiệu là Gia Long, đã sắc phong cho Nguyễn Hữu Lễ là “Thành Hoàng Nghĩa Dũng Hữu Lễ Nguyễn Công Tôn Thần”. Đến năm 1924, vua Khải Định lại gia phong là “Đoan Túc Đức Bảo Trung Hưng Tôn Thần”.

Tại phủ thờ Thoại Ngọc Hầu (Châu Đốc) còn lưu giữ được hai tờ sắc và một tờ dụ của vua Minh Mạng liên quan đến Thoại Ngọc Hầu và gia đình. Đó là tờ dụ của vua Minh Mạng (đề ngày 01/7/1822) khuyến Thoại Ngọc Hầu không nên từ chức Bảo hộ Cao Miên và hai tờ sắc truy tặng thân phụ Thoại Ngọc Hầu (ông Nguyễn Văn Lượng) chức “Anh Dũng Tướng Quân, Khinh Xa Đô Úy, Thân Sách Vệ Ủy Nguyễn Hầu” và thân mẫu Thoại Ngọc Hầu (bà Nguyễn Thị Tuyết) mỹ hiệu “Thục Nhân”, hai tờ sắc cùng đề ngày 22/7/1822 (Trường Minh, 2017).

Ngoài tư liệu dưới dạng hoành phi, câu đối và sắc phong, nhiều di tích ở An Giang còn lưu giữ các bài văn tế chữ Hán dùng trong nghi lễ cúng tế. Tương truyền vào đúng ngày dựng bia Vĩnh Tế Sơn, Thoại Ngọc Hầu đã tổ chức lễ tế vong hồn những người tử nạn trong khi đào kênh Vĩnh Tế. Đích thân ông đã soạn bài văn tế chữ Hán, nhan đề *Thừa đế lệnh, tế cô hồn Vĩnh Tế tân kinh*, còn gọi là *Tế nghĩa trủng văn* và long trọng đọc bài văn này trong lễ tế (Nguyễn Văn Hầu, 2006).

Tại đình Vĩnh Tế (Châu Đốc), nơi thờ Thoại Ngọc Hầu làm Thành Hoàng, còn lưu giữ hai bài văn tế dùng để đọc trong lễ Túc yết và lễ Chánh tế vào dịp cúng Thoại Ngọc Hầu trong ba ngày 14, 15, 16 tháng 8 âm lịch hàng năm.

Có thể thấy rằng, di sản Hán Nôm ở tỉnh An Giang rất phong phú và có giá trị. Tuy nhiên, việc khai thác giá trị di sản Hán Nôm trong du lịch còn chưa tương xứng với tiềm năng của các di sản này. Vì vậy, tỉnh An Giang cần chú trọng hơn nữa công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản Hán Nôm phục vụ phát triển du lịch.

3.2 Kết quả khảo sát du khách về khai thác di sản Hán Nôm ở An Giang trong du lịch

3.2.1 Đặc điểm đối tượng khảo sát

Đặc điểm đối tượng khảo sát tại các điểm du lịch di sản Hán Nôm ở tỉnh An Giang như sau:

Về độ tuổi, nhóm khách dưới 18 tuổi chiếm 3%, nhóm khách từ 18-30 tuổi chiếm 43%, nhóm khách từ 31-44 tuổi chiếm 37%, nhóm khách từ 44-56 tuổi chiếm 9% và nhóm khách từ 57 tuổi trở lên chiếm 8%. Về giới tính, có sự chênh lệch đáng kể giữa nam và nữ, du khách nam chiếm 65%, du khách nữ chiếm 35%. Về dân tộc, 98% du khách là người Kinh, 2% du khách là người Hoa. Về tôn giáo, 76% khách không theo tôn giáo, 16% khách theo đạo Phật, 8% khách theo đạo Hòa Hảo (còn gọi là Phật giáo Hòa Hảo).

Về nghề nghiệp, cán bộ viên chức chiếm 24%, buôn bán kinh doanh chiếm 23%, học sinh sinh viên chiếm 14%, nông dân chiếm 10%, công nhân chiếm 9%, hưu trí chiếm 4%, còn lại là các nghề khác. Về trình độ học vấn, 6% du khách có trình độ tiểu học, 15% du khách có trình độ trung học cơ sở, 25% du khách có trình độ trung học phổ thông, 3% du khách có trình độ trung cấp, 15% du khách có trình độ cao đẳng, 30% du khách có trình độ đại học; các trình độ khác chiếm 6%.

3.2.2 Ý kiến của du khách về di sản Hán Nôm ở tỉnh An Giang

Kết quả khảo sát bằng câu hỏi nhiều lựa chọn cho thấy, nguồn thông tin chủ yếu nhất mà khách biết đến những điểm du lịch di sản Hán Nôm An Giang là từ bạn bè, người thân (52%); tiếp theo là từ internet (17,6%); từ ti vi (14,2%). Các nguồn thông tin còn lại, trong đó có các nguồn thông tin từ công ty du lịch và ấn phẩm du lịch chiếm tỉ lệ thấp.

Bảng 1: Nguồn thông tin về các điểm du lịch di sản Hán Nôm

	Tần suất	Tỉ lệ %
Ti vi	21	14,2%
Radio	3	2,0%
Báo chí	11	7,4%
Internet	26	17,6%
Công ty du lịch	1	0,7%
Bạn bè, người thân	77	52,0%
Ấn phẩm du lịch	1	0,7%
Nguồn thông tin khác	8	5,4%
Tổng số	148	100,0%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Về số lần khách đến du lịch, nếu tính từ lần đầu đến lần thứ 3 thì lượng du khách có xu hướng giảm dần (26% - 17% - 10%). Tuy nhiên, tính từ 4 lần trở lên thì lượng du khách chiếm tỉ lệ cao (47%). Thực tế cho thấy, phần lớn khách đến nhiều lần là khách hành hương đến lễ bái tại miếu Bà Chúa Xứ. Nhóm khách này năm nào cũng đi lễ Vía Bà để mong Bà phù hộ.

Về hình thức đi du lịch, khách mua tour của công ty du lịch chiếm tỉ lệ thấp (6,6%). Phần lớn khách tự

tổ chức đi du lịch cùng gia đình, bạn bè (79,2%); ngoài ra, có 7,5% khách đi du lịch theo cơ quan, đoàn thể.

Về mục đích chuyến đi của khách du lịch, mục đích chủ yếu nhất là: Tham quan (38,1%) và Tâm linh, tín ngưỡng (36%); các mục đích khác chiếm tỉ lệ thấp.

Bảng 2: Mục đích chuyến đi của khách du lịch

	Tần suất	Tỉ lệ %
Tham quan	72	38,1%
Giải trí	36	19,0%
Nghỉ dưỡng	8	4,2%
Tâm linh, tín ngưỡng	68	36,0%
Công tác, hội họp	1	0,5%
Tìm hiểu di sản văn hóa	1	0,5%
Mục đích khác	3	1,6%
Tổng số	189	100,0%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Tương quan giữa mục đích chuyến đi và hoạt động của du khách tại điểm du lịch là khá đồng nhất. Hoạt động chủ yếu nhất của du khách là: Tham quan (31,4%), Hành hương, Cầu nguyện (30%). Ngoài ra, hoạt động Mua sắm đặc sản, quà lưu niệm cũng chiếm tỉ lệ khá cao (21,4%). Các hoạt động khác chiếm tỉ lệ thấp.

Bảng 3: Hoạt động của du khách trong chuyến du lịch

	Tần suất	Tỉ lệ %
Tham quan	69	31,4%
Tìm hiểu di sản văn hóa	16	7,3%
Hành hương, cầu nguyện	66	30,0%
Mua đặc sản, quà lưu niệm	47	21,4%
Thưởng thức món ăn địa phương	15	6,8%
Tham gia lễ hội, trò chơi dân gian	1	0,5%
Hoạt động khác	6	2,7%
Tổng số	220	100,0%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Về yếu tố hấp dẫn tại điểm du lịch, du khách đánh giá cao nhất là yếu tố: Phong cảnh đẹp (33,8%); tiếp theo là các yếu tố: Không khí trong lành (22,7%), Giá trị linh thiêng (21,8%). Đáng lưu

Bảng 5: Điều kiện cần có để khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch

	Tần suất	Tỉ lệ %
Di sản Hán Nôm cần được bảo tồn tốt	38	38,0
Di sản Hán Nôm cần được dịch ra tiếng Việt	29	29,0
Cần có hướng dẫn viên am hiểu về di sản Hán Nôm	20	20,0
Du khách cần có kiến thức về Hán Nôm	11	11,0
Cần có nhiều tài liệu về di sản Hán Nôm	2	2,0
Tổng số	100	100,0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

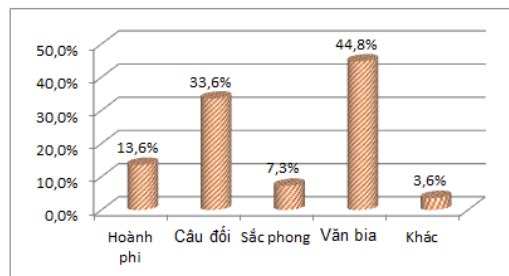
y, yếu tố Sự đặc sắc của di sản văn hóa Hán Nôm chiếm tỉ lệ không cao (10,6%). Điều này cho thấy việc khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch còn nhiều hạn chế.

Bảng 4: Ý kiến du khách về yếu tố hấp dẫn tại điểm du lịch

	Tần suất	Tỉ lệ %
Phong cảnh đẹp	73	33,8%
Không khí trong lành	49	22,7%
Sự đặc sắc của di sản Hán Nôm	23	10,6%
Văn hóa bản địa độc đáo	8	3,7%
Giá trị linh thiêng	47	21,8%
Món ăn đặc sản hấp dẫn	8	3,7%
Sự mến khách của người dân	7	3,2%
Yếu tố khác	1	0,5%
Tổng số	216	100,0%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Về hình thức thể hiện của di sản Hán Nôm ở An Giang, du khách cho rằng: Văn bia chiếm tỉ lệ cao nhất, tiếp theo là Câu đối, Hoành phi, Sắc phong, còn lại là các hình thức khác (Hình 1).



Hình 1: Ý kiến du khách về các hình thức biểu hiện của di sản Hán Nôm

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

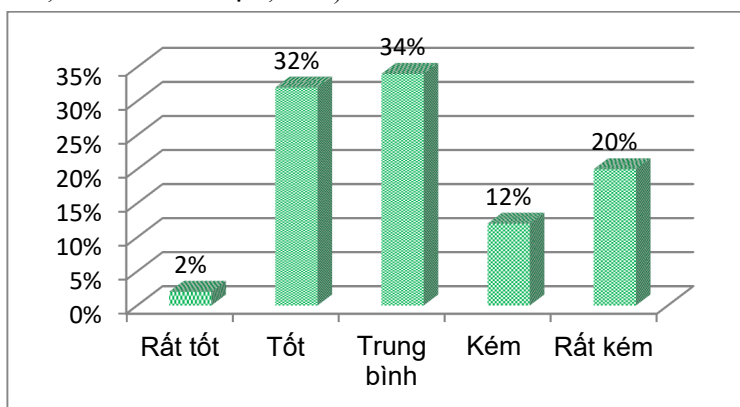
Để có thể khai thác tốt di sản Hán Nôm trong du lịch, các điều kiện được sự đồng tình cao là: Di sản Hán Nôm cần được bảo tồn tốt, Di sản Hán Nôm cần được dịch ra tiếng Việt, Cần có hướng dẫn viên am hiểu về di sản Hán Nôm. Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng: Du khách cần có kiến thức về Hán Nôm, Cần có nhiều tài liệu về di sản Hán Nôm để phục vụ cho du khách (Bảng 5).

Về giá trị của di sản Hán Nôm trong du lịch, ý kiến đánh giá của du khách (theo thang đo Likert 5 bậc) đều đạt mức khá cao. Cụ thể, Giá trị tâm linh được đánh giá cao nhất (3,77), tiếp theo là: Giá trị kiến trúc (3,72), Giá trị gắn với sự kiện văn hóa (3,60), Giá trị nhận thức (3,56).

Thực tế cho thấy, tư liệu Hán Nôm dưới dạng hoành phi, câu đối góp phần tạo sự linh thiêng, cho các di tích. Đặc biệt, di sản dưới dạng sắc phong có ý nghĩa thiêng liêng, được giữ gìn cẩn trọng và được tổ chức long trọng trong các nghi lễ thỉnh sắc (rước sắc), hồi sắc. Ví dụ, lễ hội Kỳ An ở đình Châu Phú (Châu Đốc) diễn ra từ mùng 10 đến 12 tháng 5 âm lịch với nghi thức rước các sắc thần Lễ Thành Hầu, Thoại Ngọc Hầu và hai ông Chánh, Phó vệ thủy là Đỗ Đăng Tàu và Lê Văn Sanh rất trang nghiêm và long trọng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2019).

Đồng thời, di sản Hán Nôm cũng có giá trị nhận thức rất cao. Nhờ các tư liệu Hán Nôm, người đời sau nhận biết được các thông điệp do tiền nhân để lại, tạo nên sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại. Di sản Hán Nôm còn có giá trị kiến trúc thể hiện qua cách bố cục mặt bằng di tích theo dạng Hán tự như chữ Đinh (丁), chữ Tam (三), chữ Công (工), chữ Quốc (國), hoặc kiểu “nội Công, ngoại Quốc”, tức là phía trong có hình chữ Công (工), còn phía ngoài có khung bao quanh như bộ Vi (口) ở chữ Quốc.

Về hiện trạng khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch, đánh giá của du khách như sau: 32% ý kiến đánh giá ở mức kém và rất kém; 34% ý kiến đánh giá ở mức trung bình, 34% ý kiến đánh giá ở mức tốt và rất tốt



Hình 2: Ý kiến của du khách về khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Bảng 6: Ý kiến du khách về hiện trạng tại các điểm du lịch

	Trung bình
Mạng lưới giao thông	3,74
Cơ sở hạ tầng	3,59
Vệ sinh môi trường	3,37
Quà lưu niệm	2,98
Hướng dẫn viên du lịch	2,85
Thông tin du lịch	2,73
Chất lượng dịch vụ	3,47
Giá cả dịch vụ	3,30

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Về hiện trạng phát triển du lịch tại các điểm di sản Hán Nôm, ý kiến đánh giá của du khách đạt giá trị không cao (2,73 - 3,74). Trong đó, các yếu tố được đánh giá tương đối khá (> 3) là: Mạng lưới

giao thông; Cơ sở hạ tầng; Chất lượng dịch vụ; Vệ sinh môi trường; Giá cả dịch vụ. Các yếu tố được đánh giá thấp (< 3) là: Quà lưu niệm; Hướng dẫn viên; Thông tin du lịch (Bảng 6).

Đánh giá sự cảm nhận của du khách về điểm du lịch di sản Hán Nôm cũng đạt giá trị trung bình (các tiêu chí đạt từ 3,12 đến 3,65). Trong đó, cao nhất là: Quý khách nghĩ rằng điểm du lịch này sẽ phát triển mạnh hơn trong tương lai (3,65). Các tiêu chí khác đạt giá trị thấp hơn (Bảng 7).

Đánh giá chung về điểm du lịch di sản Hán Nôm tỉnh An Giang, xét theo cả 3 tiêu chí đều tương đối khả quan (từ 3,66 đến 4,14). Trong đó, tiêu chí: Dự định quay lại du lịch đạt mức cao nhất (4,14). Kết quả này cho thấy, di sản Hán Nôm gắn với du lịch tâm linh nên sự trung thành của du khách đối với các điểm du lịch là rất cao (Bảng 8).

Bảng 7: Cảm nhận của du khách về điểm di sản Hán Nôm

	Trung bình
Điểm du lịch đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu di sản Hán Nôm của quý khách	3,27
Những gì quý khách nhận được xứng đáng với thời gian, công sức và tiền bạc đã bỏ ra	3,53
Điểm du lịch được đầu tư tốt cho việc khai thác di sản Hán Nôm gắn với du lịch	3,12
Quý khách nghĩ rằng điểm du lịch này sẽ phát triển mạnh hơn trong tương lai	3,65

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Bảng 8: Mức độ hài lòng, dự định quay lại và giới thiệu về di sản Hán Nôm

	Trung bình
Mức độ hài lòng	3,66
Dự định quay lại du lịch	4,14
Dự định giới thiệu với bạn bè, người thân	4,09

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Nhìn chung, kết quả khảo sát du khách cho thấy, di sản Hán Nôm ở An Giang rất có tiềm năng du lịch nhưng chưa được đầu tư khai thác tốt do có nhiều khó khăn, thách thức như sau:

Thứ nhất, việc khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch ở An Giang còn khá mới mẻ, chưa đủ sức làm thay đổi “thói quen tiêu dùng” của du khách. Hiện nay, không chỉ du khách mà cả các nhà quản lý du lịch địa phương dường như đã “định hình” với các loại hình du lịch có thể mạnh của An Giang là du lịch tâm linh và du lịch sinh thái (Miếu Bà Chúa Xứ, lâm viên Núi Cấm, rừng trà Trà Sư, v.v...) mà chưa thấy được những giá trị độc đáo, đặc sắc của các di sản Hán Nôm ở An Giang.

Thứ hai, trong quan niệm của nhiều người thì tỉnh An Giang cũng như toàn vùng ĐBSCL là vùng đất mới nên di sản văn hóa Hán Nôm rất mờ nhạt, ít có giá trị. Mặc dù quan niệm này là chủ quan, không phù hợp với thực tế, nhưng cũng ảnh hưởng lớn đến tâm lý du khách khi lựa chọn điểm đến du lịch ở An Giang.

Thứ ba, nhiều người cho rằng du lịch tâm linh và di sản Hán Nôm là tách rời nhau, thậm chí là đối lập với nhau. Thực ra, di sản Hán Nôm luôn gắn liền với giá trị tâm linh, làm tăng giá trị tâm linh cho di tích. Hoàn phi, câu đối, sắc phong là những yếu tố làm tăng sự linh thiêng cho đình, chùa, đền, miếu.

Thứ tư, một thách thức không nhỏ ảnh hưởng đến việc khai thác di sản Hán Nôm để phát triển du lịch là hầu hết khách du lịch không biết đọc chữ Hán Nôm nên thường không quan tâm đến các di sản này.

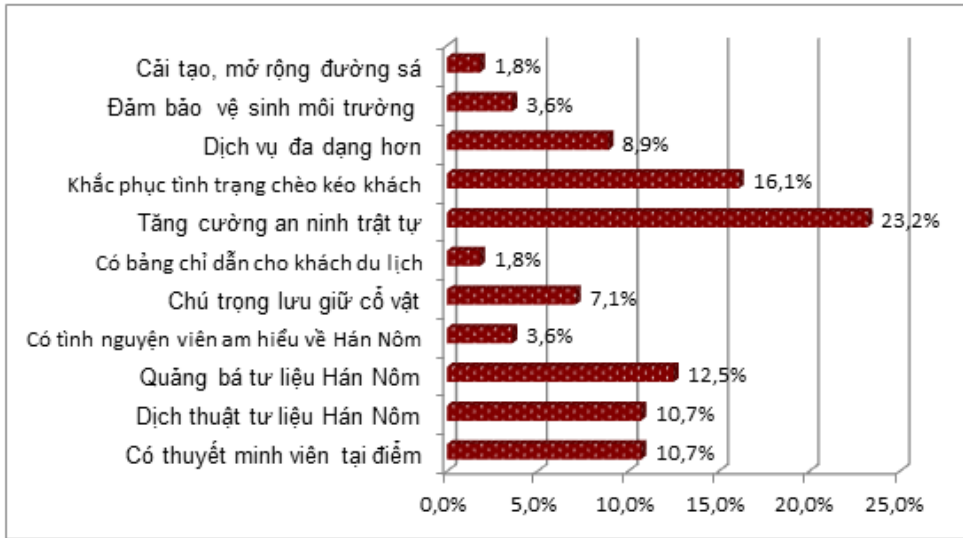
Thứ năm, các hoạt động thông tin, quảng bá về di sản Hán Nôm tại điểm du lịch chưa được chú trọng. Hiện nay, hầu hết các điểm du lịch ở tỉnh An Giang không có đội ngũ hướng dẫn viên du lịch tại điểm am hiểu về di sản Hán Nôm, nên việc giới thiệu các di sản này đến du khách có rất nhiều hạn chế. Công tác biên dịch các nguồn tư liệu Hán Nôm ra tiếng Việt và các ngôn ngữ khác (tiếng Anh, tiếng Pháp...) để phục vụ du khách cũng chưa được quan tâm.

Thực trạng nêu trên cho thấy một nghịch lý là, di sản Hán Nôm ở An Giang là những tài sản rất quý báu và là nguồn tài nguyên có giá trị để phát triển du lịch, nhưng những giá trị này vẫn đang bị “bỏ quên”, dẫn đến nhiều di sản Hán Nôm ngày càng bị hư hỏng và mai một rất đáng tiếc.

3.2.3 Ý kiến du khách về giải pháp khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch

Qua khảo sát, khách du lịch cũng đề xuất nhiều giải pháp để khai thác tốt hơn di sản Hán Nôm trong du lịch như: Chú trọng lưu giữ cổ vật, Có bảng chỉ dẫn cho khách du lịch, Có thuyết minh viên tại điểm, Có tình nguyện viên am hiểu Hán Nôm. Đồng thời du khách cũng cho rằng, cần đẩy mạnh các hoạt động như: Quảng bá tư liệu Hán Nôm; Dịch thuật tư liệu Hán Nôm. Các cơ quan chức năng và doanh nghiệp cần chú trọng các kênh truyền thông, tăng cường biên soạn brochure, phát hành băng đĩa,... Đội ngũ thuyết minh viên, tình nguyện viên tại điểm du lịch cũng cần được trang bị kiến thức Hán Nôm để chủ động thuyết minh, hướng dẫn cho du khách, v.v...

Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng phục vụ du khách tại các điểm di sản Hán Nôm như: Cải tạo mở rộng đường sá, Đảm bảo vệ sinh môi trường, Dịch vụ đa dạng hơn, Tăng cường an ninh trật tự để quản lý tốt các hoạt động du lịch để tạo sự văn minh, an toàn của điểm đến; Khắc phục tình trạng chèo kéo khách để đảm bảo sự kết hợp du lịch di sản Hán Nôm với du lịch tâm linh, tín ngưỡng tại các điểm du lịch là các đình, chùa, đền, miếu.



Hình 3: Ý kiến du khách về giải pháp khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 100)

Về định hướng khai thác di sản Hán Nôm trong du lịch, hầu hết ý kiến du khách (93%) cho rằng nên tập trung đầu tư khai thác di sản Hán Nôm tại các điểm du lịch hiện có. Chỉ có 7% ý kiến cho rằng nên xây dựng những điểm du lịch mới về di sản Hán Nôm.

Như vậy, cần chú trọng khai thác di sản Hán Nôm kết hợp với các giá trị khác tại di tích lịch sử - văn hóa thông qua các tuyến điểm du lịch hiện có để biến di sản Hán Nôm ở An Giang thành sản phẩm du lịch hấp dẫn đối với khách du lịch.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, các tour du lịch có khai thác giá trị di sản Hán Nôm thường rất “kén” khách. Do đó, việc lồng ghép yếu tố di sản Hán Nôm trong các chương trình du lịch cần “đo ni đóng giày” để đáp ứng đúng mong muốn của du khách. Ngoài ra, cần đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới như: viết thư pháp, sản xuất quà lưu niệm, phát hành các tài liệu về di sản Hán Nôm để phục vụ khách du lịch, v.v...

4 KẾT LUẬN

Nam Bộ là vùng đất mới, nơi lịch sử Hán Nôm bắt đầu muộn nhất, nhưng lại là nơi chữ Hán kết thúc sớm nhất – ngay sau khi thực dân Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Vì vậy, số lượng tư liệu Hán Nôm ở Nam Bộ không thật phong phú nhưng lại trở nên vô cùng quý giá, nó là một phần của ký ức dân tộc ta thời mở cõi và đấu tranh giữ gìn sự thống nhất dân tộc (Đoàn Lê Giang, 2016).

Vùng đất An Giang là địa bàn chiến lược ở vùng biên giới Tây Nam dưới triều Nguyễn. Nơi đây được nhà Nguyễn đầu tư xây dựng những công trình kinh

tế - quốc phòng quan trọng như đồn Châu Đốc, kênh Thoại Hà, Vĩnh Tế Hà. Đặc biệt, vùng đất An Giang lưu giữ dấu ấn về những nhân vật lịch sử nổi tiếng như Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Thụ Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thụ, Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại,... Vì vậy, mặc dù trong bối cảnh chung của vùng Nam Bộ là vùng đất mới, nhưng di sản Hán Nôm ở An Giang rất phong phú và có giá trị.

Di sản Hán Nôm ở An Giang là nguồn tài nguyên du lịch quý báu, là cơ sở cho ngành du lịch An Giang khai thác để phục vụ phát triển du lịch, làm bật lên sức hấp dẫn cho các điểm du lịch hiện có, góp phần tăng thêm giá trị tâm linh, giá trị nhận thức và giá trị kiến trúc, để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù, đem lại giá trị gia tăng cho các hoạt động du lịch, góp phần xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch An Giang - một “miền di sản” của ĐBSCL và cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2019. An Giang: Lễ hội Kỳ An đình Châu Phú. Truy cập ngày 20/2/2019 tại địa chỉ: <http://lehoi.cinet.vn/Pages/ArticleDetail.aspx?siteid=1&sitepageid=317&articleid=862>

Hữu Chí, 2016. Thụ Ngọc hầu Nguyễn Văn Thụ với biểu trưng Phù Thờ Nguyễn tộc. Truy cập ngày 20/5/2017 tại địa chỉ: <http://www.chihoikhoahoclichsutrinhhoiduc.com/nhan-vat-lich-su-thu-ngoc-hau-nguyen-van-thu/>

Trịnh Hoài Đức, 2013. Gia Định thành thông chí. Truy cập ngày 20/6/2018 tại địa chỉ: <https://sites.google.com/site/sachsvietnam/gia-dinh-thanh-thong-chi>

Vũ Minh Giang, 2015. Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ. Truy cập ngày

- 20/5/2017 tại địa chỉ:
<http://nghiencuuquocte.org/2015/08/13/chu-quyen-viet-nam-vung-dat-nam-bo/>
- Đoàn Lê Giang, 2016. Tư liệu Hán Nôm Nam Bộ – Ký ức dân tộc và công việc nghiên cứu hiện nay. Tạp chí Hán Nôm. 6: 49-55.
- Nguyễn Văn Hào, 2006. Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang. Nhà xuất bản Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, 449 trang.
- Nguyễn Thế Hùng, 2007. Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Truy cập ngày 20/5/2017 tại địa chỉ:
<http://dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=365&c=61>
- Tường Minh, 2017. Về những sắc dụ trong phủ Thoại Ngọc Hầu. Truy cập ngày 20/5/2017 tại địa chỉ: <http://nguoiquangxaque.com/dat-va-nguoi-xu-quang/nha-vat/201706/ve-nhung-sac-du-trong-phu-toai-ngoc-hau-742060/>
- Hoàng Thị Ngọc, 2008. Vai trò của chữ Hán trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển của chữ Nôm Việt Nam. Tạp chí Hán Nôm. 6: 21-25.
- Nội các triều Nguyễn, 1993, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 7. Nhà xuất bản Thuận Hóa. Huế, 355 trang.
- Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2001. Đại Nam thực lục, tập 5 (Tái bản lần thứ nhất). Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội, 445 trang.
- Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2006. Đại Nam nhất thống chí, tập 5 (Tái bản lần thứ hai). Nhà xuất bản Thuận Hóa. Huế, 475 trang.
- Trần Hoàng Vũ, 2017. Thoại Ngọc Hầu qua những tài liệu mới. Nhà xuất bản Tổng hợp. Thành phố Hồ Chí Minh, 448 trang.